

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng**  
**trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" và tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng; Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-KL-CĐS ngày 18/6/2024 của Cục Kiểm lâm về việc ban hành “Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng”;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai điều tra xác định hiện trạng rừng tại các Công văn: Số 2338/BNN-KL ngày 01/4/2024, số 3901/BNN-KL ngày 31/5/2024, số 6090/BNN-KL ngày 16/8/2024;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại các Công văn: Số 2879/SNNPTNT-KL ngày 28/6/2024, số 3958/SNNPTNT-KL ngày 04/9/2024; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2637/STC-HCSN ngày 07/8/2024 và ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với nội dung như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Xác định được diện tích rừng, trữ lượng rừng và trữ lượng các-bon để quản lý bền vững và phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng trên địa bàn tỉnh;

- Làm cơ sở để cập nhật kết quả điều tra rừng vào cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng hàng năm.

## 2. Yêu cầu

- Thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng theo quy định tại Điều 33 Luật Lâm nghiệp và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các Thông tư: số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023.

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện công tác điều tra ở địa phương; phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia thực hiện điều tra rừng.

- Điều tra rừng được tiến hành đồng loạt trên địa bàn toàn tỉnh, từ cấp xã, huyện, tỉnh. Số liệu điều tra rừng phải khách quan, minh bạch, phản ánh đúng tiêu chí rừng theo quy định; vị trí, diện tích rừng phù hợp giữa kết quả điều tra và ngoài thực địa; đồng thời hoàn thành đúng tiến độ đề ra.

- Kết quả điều tra xác định hiện trạng rừng bao gồm: Hệ thống bản đồ và số liệu điều tra rừng theo quy định; Báo cáo kết quả điều tra rừng, đánh giá biến động về rừng và diện tích quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

## II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

### 1. Phạm vi

Toàn bộ diện tích đất có rừng, đất chưa có rừng theo 03 loại rừng và diện tích rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp (*rừng tự nhiên, rừng trồng đã quy hoạch cho mục đích khác hoặc từ trước đến nay không thuộc quy hoạch lâm nghiệp*) trên đại bàn 13 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (*khoảng 360.621,60 ha*); trong đó:

- Thực hiện điều tra đối với diện tích 129.756,11 ha rừng (*bao gồm: 106.712,07 ha rừng tự nhiên; 23.044,04 ha rừng trồng đầu tư bằng vốn ngân sách*);

- Ké thừa thành quả theo dõi diễn biến rừng để tích hợp vào cơ sở dữ liệu điều tra rừng đối với diện tích 230.865,49 ha rừng và đất lâm nghiệp còn lại (*diện tích này chủ yếu là rừng trồng sản xuất ổn định của người dân và đất trồng chưa có rừng*).

### 2. Đối tượng

- Theo mục đích sử dụng (*rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp*);

- Theo đơn vị hành chính, theo chủ rừng;

- Theo nguồn gốc sử dụng (*rừng tự nhiên, rừng trồng, đất chưa có rừng*).

## III. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN VÀ THÀNH QUẢ

### 1. Điều tra diện tích rừng

*a) Nội dung thực hiện:*

- Điều tra diện tích rừng tự nhiên nguyên sinh, rừng tự nhiên thứ sinh;
  - Điều tra diện tích rừng núi đất, núi đá, đất ngập nước (*nếu có*);
  - Điều tra diện tích rừng trồm theo loài cây, cấp tuổi (*vốn ngân sách*);
  - Ké thửa kết quả theo dõi diễn biến rừng đối với diện tích khoanh nuôi tái sinh, diện tích mới trồm chưa thành rừng, diện tích khác đang được sử dụng để bảo vệ phát triển rừng;
  - Điều tra diện tích các trạng thái rừng theo chủ rừng, theo đơn vị hành chính.
- b) Phương pháp thực hiện:*
- Điều tra diện tích rừng được thực hiện theo lô trạng thái rừng;
  - Giải đoán ảnh viễn thám; xây dựng bản đồ giải đoán hiện trạng rừng bằng phần mềm chuyên dụng. Trường hợp ảnh viễn thám không đảm bảo hoặc các khu vực thiếu ảnh thì có phương án thay thế (*bay chụp, điều tra mặt đất bổ sung...*);
  - Điều tra bổ sung hiện trạng các lô trạng thái rừng ngoài thực địa;
  - Biên tập, hoàn thiện bản đồ hiện trạng rừng và tính toán diện tích các lô trạng thái rừng bằng các phần mềm chuyên dụng.

*c) Thành quả:*

- Bản đồ hiện trạng rừng theo yêu cầu của nội dung điều tra đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;
- Hệ thống số liệu điều tra gốc, số liệu tổng hợp theo các Biểu số 04, 05 và Biểu số 08 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá diện tích rừng.

## **2. Điều tra trữ lượng rừng**

*a) Nội dung thực hiện:*

- Điều tra trữ lượng gỗ của rừng tự nhiên và rừng trồm bằng vốn ngân sách;
- Điều tra trữ lượng tre nứa của rừng tự nhiên và rừng trồm bằng vốn ngân sách;
- Điều tra trữ lượng gỗ và trữ lượng tre nứa của rừng hỗn giao gỗ và tre nứa;

*b) Phương pháp thực hiện:*

- Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí ngẫu nhiên hoặc hệ thống, diện tích 1.000 m<sup>2</sup>, đối với những trạng thái rừng tự nhiên có diện tích lớn hơn 2.000 ha;
- Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điển hình, diện tích từ 500 m<sup>2</sup> đến 1.000 m<sup>2</sup>, đối với những trạng thái rừng tự nhiên có diện tích nhỏ hơn 2.000 ha; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,1%;

- Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điền hình theo từng trạng thái rừng (*loài cây, cấp tuổi*), diện tích từ 100 m<sup>2</sup> đến 500 m<sup>2</sup> đối với rừng trồng; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,05%;

- Điều tra cây gỗ và cây tre nứa bao gồm: xác định tên loài cây, phẩm chất cây, đo chiều cao vút ngọn, đường kính thân tại vị trí 1,3 m;

- Sử dụng các thiết bị điều tra nhanh trữ lượng rừng;

- Sử dụng biểu trữ lượng, sản lượng lập sẵn để tra cứu;

- Sử dụng các phần mềm chuyên dụng để xử lý, phương pháp thống kê toán học tính toán trữ lượng rừng.

c) *Thành quả:*

- Hệ thống số liệu điều tra gốc và biểu tổng hợp trữ lượng rừng theo các Biểu số 01, 02, 03, 06, 07 và Biểu số 09 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023;

- Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá trữ lượng rừng.

### **3. Điều tra sinh khối và trữ lượng các - bon rừng**

#### *a) Nội dung điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon rừng:*

- Điều tra sinh khối thực vật sống, bao gồm: Các bộ phận của cây trên mặt đất và dưới đất;

- Điều tra trữ lượng các bon rừng, bao gồm: Các-bon trong sinh khối sống theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; các-bon trong gỗ chết, các-bon trong thảm mục; các-bon trong đất,

#### *b) Phương pháp điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon:*

- Thiết lập hệ thống ô tiêu chuẩn theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 11 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 để thu thập số liệu tính toán sinh khối và quy đổi trữ lượng các-bon;

- Tính toán trữ lượng các-bon bằng phương pháp quy đổi gián tiếp từ sinh khối theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018;

Trữ lượng các-bon trong sinh khối rừng được tính cho từng kiểu rừng theo phương pháp gián tiếp được tính theo công thức sau:  

$$C = (V \times BCEFS) \times (1+R) \times CF.$$

Trong đó:

C là trữ lượng cacbon (Mg); V là Trữ lượng gỗ (m<sup>3</sup>);

BCEF là hệ số chuyển đổi và mở rộng thể tích thân thành sinh khối trên mặt đất (Mg /m<sup>3</sup>);

R tỷ số sinh khối dưới mặt đất so với sinh khối trên mặt đất (*không thû nguyên*);

CF là tỷ lệ cacbon của sinh khối rừng trên mặt đất hệ số cacbon, thường mặc định CF =0,47.

c) *Thành quả điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon:* Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá sinh khối và trữ lượng các-bon rừng.

#### **IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Năm 2024 - 2025**

#### **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Tổng kinh phí dự kiến: 12.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai tỷ đồng),** sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng đề cương và dự toán.

**2. Nguồn kinh phí thực hiện:** Ngân sách tỉnh (ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh theo đề xuất của UBND tỉnh gửi Bộ Tài chính tại Báo cáo số 179/BC-UBND ngày 16/8/2024).

#### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Cơ quan đầu mối có trách nhiệm chủ trì, chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính thẩm tra, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định để làm cơ sở tổ chức thực hiện.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, phối hợp, thẩm định và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

- Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt và công bố kết quả điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện chế độ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh kết quả điều tra xác định hiện trạng rừng theo quy định.

##### **2. Sở Tài chính**

Trên cơ sở đề cương và dự toán điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính xem xét tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch đúng theo quy định.

##### **3. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu về kiểm kê đất đai; giao đất, giao rừng và các bản đồ có liên quan mới nhất cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch điều tra rừng trên địa bàn toàn tỉnh.

##### **4. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị chức năng tuyên truyền, phổ biến cho các chủ rừng, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan về nội dung kế hoạch điều tra xác định hiện trạng rừng;

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã, phường có diện tích rừng phối hợp thực hiện các nội dung có liên quan tại địa phương.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phân công tổ chức thực hiện./.

**Noi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.ph392

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền